TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 567/2018/DS-ST
Ngày: 16/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Tiến
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2018/QĐXXST-DS ngày 6 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Hội sở: Lầu 8, Số 266 – 268 đường N, Phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – sinh năm 1973; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M – sinh năm 1970 (Theo văn bản ủy quyền số: 892/2018/UQ-TTT ngày 12/6/2018).

Địa chỉ: 11/5/15 Khu phố 2A, phường Đ, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 6/9/2018 ông Lã Ngọc M có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Quốc P – sinh năm 1985

Địa chỉ: 373/17 đường D, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đặng Quốc P vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/6/2018 của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì: Ngày 28/9/2011 giữa ông Đặng Quốc P (sau đây gọi là Bị đơn) và Ngân hàng có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của Bị đơn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 10.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43.689.319đ, Bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 52.256.674đ. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/8/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, đến ngày 25/5/2018 Bị đơn còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 6.285.211đ; Lãi quá hạn: 4.310.966đ. Tộng cộng: 10.596.177đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên và phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 26/5/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Người đại diện ủy quyền của Nguyên đơn có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của Người đại diện ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ‘‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ yêu cầu Bị đơn có địa chỉ tại số: 373/17 đường D, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng vay mà hai bên đã ký. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 25/9/2018 và biên bản tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 16/10/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 11.569.185đ (Trong đó nợ gốc là: 6.285.211đ; Lãi là: 5.283.974đ) của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì ngày 28/9/2011 giữa Bị đơn và

Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Theo thỏa thuận thì Ngân hàng thông báo chi tiết các giao dịch phát sinh, các khoản lãi, phí, số dư nợ, thời hạn thanh toán, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ này đối với Bị đơn nhưng Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/8/2016 số dư nợ còn lại của Bị đơn đã chuyển thành nợ quá hạn.

Theo bảng chiết tính của Ngân hàng thì tính đến ngày 16/10/2018 số nợ còn lại của Bị đơn là 11.569.185đ (Trong đó nợ gốc là: 6.285.211đ; Lãi là: 5.283.974đ).

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trong quá trình tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/10/2018 là 11.569.185đ.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 17/10/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 17/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2011 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[6] Về thời hạn thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 26/8/2016 khoản nợ của Bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn nhưng Bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về địa điểm thi hành án án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị

đơn phải chịu 578.459đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần S.

a/ Buộc ông Đặng Quốc P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/10/2018 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2011, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 6.285.211đ (Sáu triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm mười một đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 5.283.974đ (Năm triệu hai trăm tám mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Tổng cộng: 11.569.185đ (Mười một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm tám mươi lăm đồng).

b/ Kể từ ngày 17/10/2018, ông Đặng Quốc P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2011, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Đặng Quốc P vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 578.459đ (Năm trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi chín đồng) do ông Đặng Quốc P chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008569 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Đặng Quốc P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương